

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2025.
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Huỳnh Văn Vy.

+ Bà Đặng Hoàng Ái Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, số E L, thị trấn P, huyện P, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Ngô Văn D1 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Nguyễn Thị Mỹ N: Bà Phạm Thị Thùy T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ N đề ngày 07/02/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D có tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau thời gian tìm hiểu thì gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có con chung rồi mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P

vào ngày 29/9/2014. Sau khi đăng ký kết hôn, anh D đi vào S làm việc, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D đi làm xa, không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh D chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình có đứng ra hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N và anh D sống ly thân từ tháng 10/2014 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể. Do đó, chị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Ngô Văn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng chị N và anh D có 01 con chung là cháu Ngô Văn D1, sinh ngày 05/7/2013. Từ khi ly thân cho đến nay, cháu D1 do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 sau khi ly hôn. Hiện chị N đang làm nghề may, thu nhập hàng tháng đảm bảo về kinh tế để nuôi con nên chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2025, anh Ngô Văn D trình bày ý kiến: Anh D và chị N có tình cảm, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P vào ngày 29/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị N sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng sống không hòa hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh D, chị N sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh D đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Ngô Văn D cũng thừa nhận vợ chồng có một con chung như chị N trình bày. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết giao người con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con thì anh D đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Ngô Văn D1 trình bày:

Cháu Ngô Văn D1, sinh ngày 05/7/2013, hiện tại đang sống với chị N và do N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu D1 có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Chị Nguyễn Thị Mỹ N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 sau khi ly hôn và anh D cũng đồng ý. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, giao cháu Ngô Văn D1, sinh ngày 05/7/2013 cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Ngô Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp. Quá trình hôn nhân giữa chị N và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống của ai tự người đó lo liệu. Chị Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Ngô Văn D cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Ngô Văn D có một người con chung là cháu Ngô Văn D1, sinh ngày 05/7/2013. Các đương sự đều thống nhất ý kiến giao cháu D1 cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 205, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Ngô Văn D.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Ngô Văn D1, sinh ngày 05/7/2013 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Ngô Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0005477 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Lộc, thành phố H). Chị N đã nộp đủ và không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục huyện Phú Lộc;
- UBND xã Lộc Điền,
- Số 134, ngày 29/9/2014;
- Các đương sự;
- Lưu:HSVA;HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

